TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18/4/2019
V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH
Thành phần Hội đồng xứt xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Danh Sử

2. Ông Tạ Khắc Nghĩa.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thu Hòa.

Ngày 18/4/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2019/TLST- HNGĐ ngày 02/01/2019 về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 18/3/2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: chị Nguyễn Hương G, sinh năm 1981

Trú tại: P411- E5, Tập thể V, Ngã T, quận Đ, TP. Hà Nội.

- Bị đơn: anh Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1983

Trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2019 và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Hương G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Ngọc A kết hôn với nhau và có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân phường N, quận Đ, TP. Hà Nội vào ngày

12/10/2009 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng anh chị sinh sống tại TP.Hà Nội. Hai vợ chồng chỉ sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Ngọc A chơi bời cờ bạc, dẫn đến nợ nần không có khả năng trả. Bản thân anh Ngọc A không quan tâm gì đến gia đình vợ con. Năm 2014 anh Ngọc A bỏ về quê tại xã Đ, huyện N ở, anh chị ly thân từ đó đến nay. Hiện chị còn biết anh Ngọc A chung sống với người phụ nữ khác tại N, Ninh Bình và có con chung với họ nhưng chị không có chứng cứ. Chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Ngọc A trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng nên chị xin ly hôn với Ngọc Anh để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị xác định chị và anh Ngọc A có 02 con chung là các cháu Nguyễn Ngọc Á sinh năm 25/10/2010; Cháu Nguyễn Hạnh N sinh 22/01/2013. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị. Nguyện vọng của chị xin tiếp tục nuôi hai cháu và yêu cầu anh Ngọc A cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Ngày 02/01/2019 Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Hương G. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật quy định.

Đối với anh Nguyễn Ngọc A mặc dù đã biết việc Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý giải quyết vụ án chị G xin ly hôn với anh, nhưng anh Ngọc A vẫn không gửi văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án đến Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Theo biên bản xác minh của Tòa án với Ủy ban nhân dân xã Đ thì hiện nay anh Ngọc A vẫn có hộ khẩu và đang sinh sống tại Thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Tại đơn xin xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Ngọc A, xin nuôi con chung và yêu cầu anh Ngọc A cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1500.000 đồng/1 tháng/1 cháu.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: đề nghị HĐXX:

- Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; ; Điều 357, Điều 468 BLDS; khoản 5 điều 27 và danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hương G. Xử ly hôn giữa chị **Nguyễn Hương G** và anh **Nguyễn Ngọc A.**

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 25/10/2010; cháu Nguyễn Hạnh N, sinh ngày 22/01/2013, hiện cả

hai cháu đang ở với chị G cho chị G tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyên Ngọc A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Hương G mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 cháu.

3. Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Hương G phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

- *Án phí cấp dưỡng*: Anh Nguyễn Ngọc A phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp về ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** *Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:*

[2.1].Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh Ngọc A là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Ngọc A không chịu tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Việc anh Ngọc A bỏ về quê ở từ năm 2014 cho đến nay chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G với anh Ngọc A là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2].Về con chung: Nguyện vọng của chị G được tiếp tục nuôi cả 02 con chung hiện đang ở với chị, Hội đồng xét xử thấy: các cháu đều đang ở độ tuổi đi học, các cháu ở với chị G từ nhỏ và đều là con gái. Mặt khác chị G khỏe mạnh, có thu nhập, nguyện vọng của các cháu đều xin ở với chị G. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định, lợi ích mọi mặt của hai cháu nên giao cả hai cháu cho chị G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị G yêu cầu anh Ngọc A cấp dưỡng nuôi con chung là 15.00.000đ/1 cháu/ 1 tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tuy nhiên tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện N thì hiện anh Ngọc A là lao động tự do tại địa phương, mức thu nhập bình quân một ngày công lao động là 200.000/ngày. Căn cứ mức thu nhập của anh Ngọc A và yêu cầu cấp dưỡng của chị G, cần buộc anh Ngọc A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/01 cháu/01 tháng là phù hợp.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị G phải nộp theo quy định của pháp luật. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Ngọc A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 147, 227, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình; - Áp dụng Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hương G. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Hương G và anh Nguyễn Ngọc A

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao các cháu Nguyễn Ngọc Á sinh năm 25/10/2010; Cháu Nguyễn Hạnh Ng sinh 22/01/2013. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị G cho chị G tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Ngọc A phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng chị G mỗi cháu là 1000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, ng□ời không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai đ□ợc cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh h□ởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi d□ỡng, giáo dục con thì ng□ời trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ng□ời đó.

Kể từ ngày chị Giang có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu anh Ngọc A không thi hành hết số tiền cấp d- ỡng nuôi con, thì hàng tháng anh Ngọc A còn

phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án t- ơng ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Hương G phải nộp là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000015 ngày 02/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Ngọc A phải nộp là 300.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Chị G và anh Ngọc A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện N;*
- *Chi cục THADS huyện N;*
- *UBND phường N*
- *UBND xã Đ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Phạm Thanh Tùng